

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,218	711	14,375,000
Được chi trong ngày					14,375,000
Đã chi trong ngày					14,375,000
1. Dịch vụ					1,428,000
1	Dịch vụ thu		0	371	0
2	Dịch vụ thu		4,200	340	1,428,000
3			0	340	0
2. Kho					2,526,644
 Ăn chính					2,526,644
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	31	713,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					10,420,356
 Ăn sáng					3,672,000
1	Hành củ tươi	Kg	100,000	1	100,000
2	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
3	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
4	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
5	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
6	Muối iốt	Gói	4,000	1.5	6,000
7	Ngò gai	Kg	50,000	1	50,000
8	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
9	Bò Viên	Kg	150,000	3.5	525,000
10	Hành lá	Kg	60,000	1	60,000
11	Củ cái	Kg	20,000	4	80,000
12	Thịt bò	Kg	260,000	8.1	2,106,000
13	Phở tươi	Kg	20,000	23	460,000
 Ăn chính					6,748,356
1	Đậu phộng (hạt)	Kg	60,000	6	360,000
2	Mè	Kg	100,000	2.5	250,000
3	Cà chua	Chai	60,000	4	240,000
4	Hành củ tươi	Kg	100,000	1.4	140,000
5	Rau dền	Chai	9,000	3	27,000
6	Rau ngổ	Gói	20,000	0.8	16,000
7	Thơm (Dứa)	Kg	25,000	7	175,000
8	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.6	80,000
9	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	5	650,000
10	Trứng gà	Kg	4,000	50	200,000
11	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
12	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
13	Xì dầu	Kg	8,000	3	24,000
14	Sữa chua Nutifood	Hũ	4,752	371	1,762,992
15	Muối iốt	Gói	4,000	1.84	7,364
16	Rau húng quế	Kg	20,000	1.3	26,000
17	Ngò rí	Kg	60,000	1.4	84,000
18	Hành lá	Kg	60,000	1.5	90,000
19	Cá bẻ lão	Kg	180,000	7	1,260,000

20	Hẹ lá	Kg	40,000	0.5	20,000
21	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
22	Tôm biển	Kg	195,000	2	390,000
23	Mỡ lợn sống	Kg	80,000	1.1	88,000
24	Đường phèn	Kg	35,000	0.8	28,000
25	Xương Heo	Kg	120,000	2	240,000
26	Hũ tiều khô	Kg	45,000	6	270,000
27	Củ cái	Kg	20,000	3	60,000
28	Cà rốt	Kg	25,000	3	75,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					12,978,220
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					52,713,180
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				3,612	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					72,970,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					72,970,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán



Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng



Phạm Thị Hồng Huế